TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2018
V/v TC Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Tăng Thị Bạch Vân**

2/ Bà **Lưu Thị Tám**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Chánh –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không

Ngày 26/9/2018, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 260/2018/TLST – HNGĐ, ngày 04/7/2018, về việc: "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2018/QĐST, ngày 07/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986 (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần Thanh V**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2013, bà T và ông V cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, Giấy CN kết hôn cấp ngày 06/3/2013. Ông bà chưa có con chung. Do ông V không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc gấy nợ nần, bà T đã bỏ qua nhiều lần và khuyên nhũ ông V lo làm ăn nhưng ông V tính tình vẫn không thay đổi. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh V trình bày: Ông V thống nhất với tất cả lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung nêu trên, nhưng ông V yêu cầu được hàn gắn.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh V cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp.Trong quá trình chung sống, bà T và ông V đều nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bà T có yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, còn ông V thì có yêu cầu được hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà T không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông V và kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà T cương quyết ly hôn với ông V đã thể hiện bà không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, ông V thì có yêu cầu hàn gắn nhưng chưa thể hiện sự thiện chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, sau khi hòa giải ông V không đến tham gia xét xử, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông V không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, ông V không thể hiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, tuyên bố bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh V được ly hôn.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002376, ngày 02/7/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã thu (bà T đã nộp án phí xong)

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND,THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Lệ Thúy